

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **101/2021/DS-PT**
Ngày: 16-9-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Quý Chi
Các Thẩm phán: Ông Bùi Thanh Thảo
Bà Lê Hồng Hạnh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nam – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Ông Hà Văn Hiến – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09/9/2021 và 16/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 68/2021/DSPT ngày 25/6/2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2021/QĐPT-DS ngày 14 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Minh T**, sinh năm 1966 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố H, phường P, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Minh T là ông **Phạm Cao K**, sinh năm 1981, địa chỉ: Khu phố B, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

Bị đơn: Ông **Trần Ngọc T1**, sinh năm 1986 (Có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án) và bà **Hồ Thị Xuân K1**, sinh năm 1987, cùng địa chỉ: Khu phố P, phường P, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Ngọc T1, bà Hồ Thị Xuân K1 là ông **Bùi Gia N**, sinh năm 1976, địa chỉ: Đường M, phường T, Tp. Đ, tỉnh Bình Phước. (Có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án)

Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Ngọc T1, bà Hồ Thị Xuân K1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Minh T và trình bày của ông Phạm Cao K là người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Minh T trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa:

Bà Võ Thị Minh T có mối quan hệ quen biết với ông Trần Ngọc T1, bà Hồ Thị Xuân K1. Từ tháng 10/2020 đến tháng 12/2020, bà T có cho ông Trần Ngọc T1 và bà Hồ Thị Xuân K1 vay nhiều lần với tổng số tiền 1.150.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 22/10/2020 vay 700.000.000 đồng, lãi suất 02%/tháng, thời hạn vay 01 tháng (có viết giấy vay tiền); Ngày 30/10/2020 vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 02%/tháng, thời hạn vay 10 ngày (có viết giấy vay tiền); Ngày 21/11/2020 vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 20 ngày, bà K1 đã nhận đủ tiền vay nhưng chưa ghi giấy tờ; Ngày 08/12/2020, vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 07 ngày, bà K1 đã nhận đủ tiền nhưng chưa ghi giấy tờ. Quá thời hạn trả nợ, ông T1, bà K1 không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận cho bà T. Bà K1 là người liên hệ bà T để vay vốn và bà K1 có nói vay để lo việc gia đình. Vì vậy, bà T cho rằng đây là khoản nợ chung của ông T1, bà K1.

Trong quá trình vay vốn, bà K1 có đưa được cho bà T được vài tháng tiền lãi nhưng do hai bên thống nhất là trả lãi thì không ghi giấy tờ nên bà T không nhớ rõ chính xác số tiền lãi đã nhận.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Phạm Cao K – Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Minh T yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết buộc ông Trần Ngọc T1, bà Hồ Thị Xuân K1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị Minh T số tiền 1.150.000.000 đồng (Một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng). Nguyên đơn rút yêu cầu buộc bị đơn – ông Trần Ngọc T1, bà Hồ Thị Xuân K1 phải chịu tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc 1.150.000.000 đồng (Một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng).

Theo trình bày của bị đơn bà Hồ Thị Xuân K1, ông Trần Ngọc T1 trong quá trình giải quyết vụ án và trình bày của ông Bùi Gia N người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tại phiên tòa:

Bà Hồ Thị Xuân K1 thừa nhận có vay tiền bà T 02 lần vay có ghi giấy vay tiền với tổng số tiền là 900.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 22/10/2020 bà K1 vay bà T số tiền 700.000.000 đồng; ngày 30/10/2020 bà K1 vay bà T số tiền 200.000.000 đồng. Còn 02 lần vay không ghi giấy tờ mà bà T trình bày thì bà K1 không nhớ rõ do thời gian đã lâu, bà K1 cần thời gian để suy nghĩ lại và khi nào nhớ ra bà K1 sẽ trình bày lại với Tòa án về số nợ 250.000.000 đồng mà bà T yêu cầu. Do hiện nay kinh tế khó khăn, bà K1 có một số quyền sử dụng đất nhưng vẫn chưa bán được nên chưa có tiền trả cho bà T.

Bà K1, ông T1 và ông Bùi Gia N - Người đại diện theo ủy quyền của ông T1, bà K1 thống nhất ý kiến cho rằng đây là khoản nợ riêng của bà K1, không

liên quan đến ông Trần Ngọc T1 vì quá trình vay vốn, bà K1 không báo cho ông T1 biết cũng như không dùng tiền này để lo việc gia đình.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Bùi Gia N - Người đại diện theo ủy quyền của ông T1, bà K1 giữ nguyên ý kiến cho rằng việc vay tiền giữa bà K1 và bà T không liên quan đến ông Trần Ngọc T1. Các giấy vay tiền nguyên đơn cung cấp cho Tòa án thể hiện số tiền mà bà K1 vay là 900.000.000 đồng, còn số tiền 250.000.000 đồng nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào. Ông Nêu đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các chứng cứ thu thập được để xác định cá nhân bà Hồ Thị Xuân K1 có nghĩa vụ trả tiền cho bà Võ Thị Minh T.

Theo trình bày của người làm chứng là bà Đào Thị Hồng H tại bản tự khai ngày 23/4/2021:

Ngày 08/12/2020, bà Võ Thị Minh T có đến kiot bán quần áo của bà H để mua đồ, bà H chứng kiến việc bà K1 có điện thoại cho bà T hỏi mượn tiền, một lúc sau bà K1 chạy đến kiot của bà H; sau đó bà T sử dụng xe của bà K1 về nhà lấy tiền rồi quay lại giao cho bà K1 50.000.000 đồng, bà H không thấy bà K1 và bà T ghi giấy tờ gì. Ngoài ra, bà H không chứng kiến gì thêm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân thị xã P đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Minh T đối với bị đơn ông Trần Ngọc T1, bà Hồ Thị Xuân K1 về việc yêu cầu trả số tiền vay.

2. Buộc ông Trần Ngọc T1, bà Hồ Thị Xuân K1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị Minh T số tiền là 1.150.000.000 (Một tỷ một trăm năm mươi triệu) đồng.

3. Đình chỉ về yêu cầu tính lãi phát sinh trên số nợ gốc của nguyên đơn - Bà Võ Thị Minh T đối với bị đơn - Ông Trần Ngọc T1, bà Hồ Thị Xuân K1.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 10/5/2021, bị đơn ông Trần Ngọc T1, bà Hồ Thị Xuân K1 có đơn kháng cáo, không đồng ý việc Bản án sơ thẩm buộc ông T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đồng thời, ông T1 có đơn kiến nghị với nội dung: vào hồi 09 giờ 45 phút ngày 02/02/2021 Thẩm phán Tòa án cấp sơ thẩm lấy lời khai của vợ ông (bà Hồ Thị Xuân K1) là không đúng, vi phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Ông đã khiếu nại đến Tòa sơ thẩm nhưng đến nay chưa được giải quyết. Nay, ông T1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý, giải quyết khiếu nại của ông.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Kể từ ngày thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Ngọc T1, bà Hồ Thị Xuân K1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước thấy rằng:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Trần Ngọc T1, bà Hồ Thị Xuân K1 làm trong thời gian luật định, hình thức và nội dung phù hợp các quy định của BLTTDS nên cần xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm, thiếu sót như sau:

[1.2.1] Về thủ tục mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải (sau đây viết tắt là: Phiên họp CKCC và HG): Ngày 22/02/2021 Tòa án sơ thẩm đã mở phiên họp CKCC, tại phiên họp phía bị đơn vắng mặt nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thủ tục này với nguyên đơn và lập biên bản phiên họp là phù hợp quy định tại Điều 209 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, cùng ngày Tòa sơ thẩm lại lập “*Biên bản về việc không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải*” (BL 47) là không phù hợp. Bởi, đã mở phiên họp công khai chứng cứ thì chỉ lập Biên bản về việc không mở được phiên hòa giải giữa các đương sự mới phù hợp.

[1.2.2] Về thủ tục xét xử: Đáng lẽ, sau khi đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử (viết tắt là: quyết định ĐVARXX) số 05/2021/QĐXXST-DS ngày 02/3/2021 thì Tòa án phải mở phiên tòa xét xử, tại phiên tòa nếu thấy cần phải thu thập thêm chứng cứ, tài liệu làm căn cứ giải quyết vụ án thì Tòa án quyết định tạm ngừng phiên tòa để tiến hành việc xác minh, thu thập chứng cứ này theo quy định tại Điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự. Vào ngày 12/3/2021, do bị đơn vắng mặt nên không thể tiến hành phiên tòa theo quyết định ĐVARXX số 05, Tòa sơ thẩm đã ban hành quyết định hoãn phiên tòa là đúng. Nhưng, cùng ngày 12/3/2021 Tòa sơ thẩm lại đồng thời ban hành Thông báo về việc đổi chất và hòa giải số 01/TB-TA, Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 01/2021/QĐ-CCTLCC và thực hiện các biện pháp thu thập chứng cứ theo các văn bản tố tụng này vào các ngày 18/3/2021 và 24/3/2021 (BL 58-63) là không đúng thủ tục tố tụng; Biên bản phiên tòa ngày 12/3/2021 cũng không ghi giờ bắt đầu mà chỉ ghi giờ kết thúc phiên tòa cũng là thiếu sót.

[1.2.3] Ngoài ra, tại quyết định ĐVARXX số 05 ngày 02/3/2021 thể hiện có hai Hội thẩm nhân dân trong thành phần Hội đồng xét xử là ông Hà Xuân Thuận

và ông Nguyễn Văn Ngân (BL 50). Nhưng đến ngày 13/4/2021 Chánh án Tòa án nhân dân thị xã P mới ban hành quyết định phân công 02 ông này làm Hội thẩm nhân dân tham gia xét xử vụ án là không phù hợp.

[1.2.4] Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù Tòa sơ thẩm có những thiếu sót, vi phạm như trên nhưng những vi phạm trên không làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án, cũng như ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Do đó, không cần thiết phải hủy án để giải quyết lại mà Hội đồng xét xử nêu ra để Tòa án cấp sơ thẩm nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[1.3] Đối với kiến nghị cấp phúc thẩm xem xét việc giải quyết khiếu nại của Tòa án cấp sơ thẩm đối với khiếu nại về hành vi tố tụng dân sự của Thẩm phán Tòa án cấp sơ thẩm, căn cứ Điều 504 Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu này không thuộc thẩm quyền xem xét giải quyết của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa, các bên đương sự đều đồng ý với việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền bà K1 hiện còn nợ của bà T là 1.150.000.000 đồng (theo các lần vay cụ thể: ngày 22/10/2020 vay 700.000.000 đồng; ngày 30/10/2020 vay số tiền 200.000.000 đồng; ngày 21/11/2020 vay số tiền 200.000.000 đồng; ngày 08/12/2020 vay số tiền 50.000.000 đồng).

[2.2] Xét kháng cáo của ông T1, bà K1 về việc không đồng ý Bản án sơ thẩm tuyên buộc ông T1 phải liên đới trả số tiền 1.150.000.000 đồng cho bà T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông T1, bà K1 trình bày có mâu thuẫn. Thể hiện, ông T1, bà K1 cho rằng ông T1 không biết việc bà K1 đi vay tiền người khác với số tiền lớn. Nhưng, tại phiên tòa phúc thẩm, ông T1 lại xác nhận: ông và bà K1 chung sống với nhau từ năm 2009 đến nay, quá trình chung sống vợ chồng luôn hòa thuận, không xảy ra mâu thuẫn, mọi việc trong gia đình thì đều được vợ chồng cùng bàn bạc. Ông làm nghề sửa điện thoại để lo chi phí ăn uống hàng ngày trong gia đình còn bà K1 làm nghề mua bán mủ cao su để lấy tiền tiết kiệm, phòng việc chi phí khi trong gia đình có chuyện ốm đau, bệnh tật và những việc khác (việc thu mua mủ thì gia đình ông T1, bà K1 có đăng ký và hoạt động hơn 10 năm nay, đến nay vẫn còn thực hiện). Tại Biên bản đối chất ngày 24/3/2021 (BL 62), bà K1 trình bày ông T1 không biết về các khoản tiền bà K1 vay của bà T, lý do bà K1 vay tiền của bà T là vì bà K1 *“cầm tiền của gia đình nhưng làm mất, số tiền khoảng 03 tỷ- tiền do trúng số và tiền có sẵn của gia đình, khi mất bà K1 không báo cho Công an mà giấu hết cả gia đình, người thân, muốn tự xoay sở”*. Tuy nhiên, tại phiên tòa chính ông T1 cho rằng vào năm 2017 ông bà có trúng vé số với tiền khoảng 1.800.000.000đ, số tiền này ông bà đã đầu tư mua vườn rẫy lúc đó chứ không phải bà K1 giữ rồi bị mất như bà K1 trình bày. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 02/02/2021, bà K1 cũng xác định vợ chồng bà vay các khoản tiền trên của bà T và cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà T nhưng sau đó lại làm đơn thay đổi lời khai

cho rằng mình trình bày như vậy là “*do không hiểu biết*” là không phù hợp. Trong khi tại phiên tòa, phía nguyên đơn đều khẳng định ông T1 đều biết việc bà K1 vay tiền để làm ăn kinh doanh mũ cao su. Từ những phân tích trên, có cơ sở xác định mặc dù ông T1 không trực tiếp tham gia giao dịch vay tiền nhưng đã biết và không có ý kiến gì, ông T1 cho rằng không biết bà K1 vay tiền là không có căn cứ trong khi ông cũng xác nhận tại Tòa là bà K1 làm ăn bị thua lỗ từ năm 2018. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm. nên kháng cáo của phía bị đơn không được chấp nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông T1, bà K1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Ngọc T1, bà Hồ Thị Xuân K1; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm 14/2021/DS-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước.

- Áp dụng: Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Minh T đối với bị đơn ông Trần Ngọc T1, bà Hồ Thị Xuân K1 về việc yêu cầu trả số tiền vay.

2. Buộc ông Trần Ngọc T1, bà Hồ Thị Xuân K1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị Minh T số tiền là 1.150.000.000 (*Một tỷ một trăm năm mươi triệu*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ về yêu cầu tính lãi phát sinh trên số nợ gốc của nguyên đơn - Bà Võ Thị Minh T đối với bị đơn - Ông Trần Ngọc T1, bà Hồ Thị Xuân K1.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1 Buộc bị đơn ông Trần Ngọc T1 và bà Hồ Thị Xuân K1 có nghĩa vụ liên đới chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 46.500.000 (*Bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn*) đồng.

4.2 Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Võ Thị Minh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 19.500.000 (*Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0007079 ngày 16/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Trần Ngọc T1 phải chịu số tiền 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007232 ngày 31/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bình Phước.

- Bà Hồ Thị Xuân K1 phải chịu số tiền 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007235 ngày 31/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bình Phước.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND thị xã P;
- CCTHADS thị xã P;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đinh Thị Quý Chi